

**THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN NGÀNH CÔNG NGHIỆP PHỤ TRỢ  
Ở CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP TẠI TP. CẦN THƠ**

*Trương Thị Cẩm Lam và Lưu Tiến Thuận  
Khoa Kinh tế và Quản trị Kinh doanh - Trường ĐHCT*

**1. Đặt vấn đề**

Trong những năm gần đây, ở Việt Nam đã xuất hiện thuật ngữ mà đối với nhiều người nó còn mới mẻ đó là “Công nghiệp phụ trợ” (CNPT). Thuật ngữ này đã được sử dụng khá rộng rãi ở các nước phát triển và đang phát triển.

Chiến lược phát triển 2011-2020 cũng đã nhắc đến CNPT “Phát triển mạnh công nghiệp phụ trợ”. Theo Báo cáo Chính trị của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X tại Đại hội lần thứ XI của Đảng đã nêu: phải “từ chủ yếu là công nghiệp gia công, lắp ráp sang đẩy mạnh phát triển công nghiệp chế tạo, chế biến, công nghiệp phụ trợ”. Trên thực tế ngành công nghiệp này có vai trò rất quan trọng trong việc tăng sức cạnh tranh của sản phẩm công nghiệp chính và đẩy nhanh quá trình công nghiệp hoá theo hướng vừa mở rộng vừa thâm sâu. CNPT không phát triển sẽ làm cho các công ty lắp ráp và những công ty sản xuất thành phẩm cuối cùng khác sẽ phải phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu.

Từ năm 2010 Việt Nam đang ráo riết xây dựng ngành CNPT phát triển bền vững. Tuy nhiên, trình độ phát triển CNPT của Việt Nam còn rất thấp. Trong điều kiện nước ta đang phấn đấu trở thành nước công nghiệp hiện đại, thì thành phố Cần Thơ (TPCT) vẫn được coi là trung tâm của đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL). Các khu chế xuất và công nghiệp chiếm phần lớn trong giá trị sản xuất công nghiệp của TPCT. Theo báo cáo gần đây nhất tháng 4/2013, ước tổng doanh thu của các doanh nghiệp đang hoạt động trong các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ là 110,6 triệu USD, giảm 14,9% so với cùng kỳ năm 2012. Trong đó, giá trị sản xuất công nghiệp đạt 74,9 triệu USD, giảm 3,14% so với cùng kỳ năm 2012, nguyên nhân giá trị sản xuất giảm là do giá nguyên liệu tăng, một số doanh nghiệp chỉ sản xuất cầm chừng. Nói khác hơn là do ngành CNPT chưa thật sự được chú trọng.

Bài viết “Thực trạng và giải pháp phát triển ngành CNPT ở các khu chế xuất và công nghiệp tại TPCT” đã sử dụng phương pháp thống kê mô tả và so sánh dựa vào số liệu thu thập được từ các nguồn thứ cấp như báo chí, internet, và một số tài liệu có liên quan về CNPT và tình hình hoạt động tại các khu chế xuất & công nghiệp (CXCN) tại TPCT. Từ đó, đưa ra một số giải pháp khả thi nhằm góp phần phát triển ngành CNPT tại TPCT.

**2. Thực trạng ngành công nghiệp phụ trợ - nghiên cứu các CXCN tại TPCT**

**2.1 Tổng quan về công nghiệp phụ trợ ở Việt Nam**

Ngành CNPT ở Việt Nam hiện nay đơn thuần là các doanh nghiệp chỉ tham gia khâu đóng gói, bao bì. Phần lớn các nhà cung cấp linh kiện, phụ tùng cho các công ty nước ngoài chủ yếu là các doanh nghiệp có vốn của nước ngoài, doanh nghiệp trong nước chưa có khả năng đáp ứng yêu cầu chất lượng. Thông tin gần đây nhất từ Thứ trưởng Bộ Công Thương Nguyễn Cẩm Tú thì CNPT cung cấp cho ngành xe máy được coi là thành công nhất vì đã hình thành một hệ thống các nhà cung cấp với hàng trăm doanh nghiệp. Tỷ lệ nội địa hóa ngành này đã đạt từ 85-90%. Ngành công nghiệp cơ khí, việc sản xuất linh kiện, thiết bị phục vụ cho sản xuất thiết bị đồng bộ, trong nước mới tham gia được 20%. Ngành công nghiệp điện - điện tử, sản xuất linh phụ kiện điện tử chỉ chiếm 21,5% tổng vốn đầu tư của ngành, không đủ để cung ứng cho lĩnh vực sản xuất các sản phẩm điện tử gia dụng chiếm 67% và điện tử chuyên dụng chiếm 11,5% tổng vốn đầu tư. Ngành xuất khẩu mũi nhọn như dệt may và da giày, toàn bộ máy móc, thiết bị sản xuất hiện nhập từ Hàn

## **NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

Quốc và Đài Loan đi vào hoạt động. Ước tính đến năm 2015, khi nhà máy xơ sợi Đình Vũ (Hải Phòng) và Fomusa (Đài Loan), khi ấy sản xuất xơ trong nước sẽ đáp ứng được 80-90% nhu cầu xơ của ngành dệt may.

Theo Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương (CIEM), khi thực hiện cuộc khảo sát hơn 80 doanh nghiệp FDI tại Việt Nam, có tới 32 doanh nghiệp cho rằng việc cung ứng nguyên vật liệu và các hoạt động kinh tế phụ trợ của Việt Nam rất kém. Các doanh nghiệp FDI rất muốn phối hợp với các nhà cung cấp trong nước để giảm chi phí sản xuất, nâng cao sức cạnh tranh của sản phẩm, nhưng rất khó có thể tìm được nhà cung cấp thích hợp. Ở Việt Nam các cụm công nghiệp được hình thành thiếu quy hoạch tổng thể, chủ yếu để giải quyết vấn đề mặt bằng sản xuất hơn là việc tạo nên chuỗi giá trị thông qua việc liên kết doanh nghiệp, kể cả sử dụng các dịch vụ tài chính và phi tài chính để khai thác lợi thế cạnh tranh.

Nhìn chung, ngành CNPT tại Việt Nam còn rất nhiều tồn đọng, là ngành được kỳ vọng sẽ làm thay đổi bộ mặt của công nghiệp Việt Nam. Nhưng hiện ngành này vẫn chậm phát triển mặc dù Chính phủ có nhiều chính sách ưu tiên. Khả năng đáp ứng của ngành CNPT còn rất hạn chế, nhất là việc sản xuất linh kiện, phụ kiện đòi hỏi chính xác cao.

### **2.2 Thực trạng ngành công nghiệp phụ trợ tại các khu CXCN Cần Thơ**

#### **2.2.1 Thực trạng năng lực phát triển CNPT ở khu CXCN Cần Thơ**

- Kết quả thu hút vốn đầu tư

Trong năm 2012, các Khu công nghiệp Cần Thơ thu hút được 15 dự án mới, với vốn đầu tư khoảng 61,876 triệu USD, và 17 dự án điều chỉnh giấy chứng nhận đầu tư, trong đó có 4 dự án tăng vốn với vốn đầu tư khoảng 5 triệu USD, thu hồi 6 giấy chứng nhận đầu tư. Tổng vốn đầu tư khoảng 66,876 triệu USD, đạt 66,8% kế hoạch năm 2012, so với năm 2011 giảm 57,8%.

*Bảng 1: Số lượng dự án tại KCX và KCN đến tháng 04/2013*

| Tiêu chí                  | Dự án trong nước | Tổng dự án của các KCN |
|---------------------------|------------------|------------------------|
| Dự án đang hoạt động      | 160              | 180                    |
| Dự án đang xây dựng       | 15               | 18                     |
| Dự án chưa triển khai     | 06               | 06                     |
| Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng) | 1,662            | 1,843                  |

*(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo hoạt động các KCN, KCX Cần Thơ)*

Dự án FDI có 23 dự án, trong đó có 20 dự án đang hoạt động, 03 dự án đang xây dựng, với tổng vốn đầu tư đăng ký là 181,344 triệu USD, vốn đầu tư thực hiện là 162,379 triệu USD, chiếm 89,63% vốn đăng ký.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2012, ước tổng doanh thu của các doanh nghiệp đang hoạt động trong các khu CXCN Cần Thơ là 1.870,282 triệu USD, giảm 9,73% so với cùng kỳ năm 2011. Xuất khẩu chiếm tỷ trọng 30,7%

Doanh nghiệp FDI: tổng doanh thu của các doanh nghiệp FDI đang hoạt động là 598,815 triệu USD, tăng 10,4% so với cùng kỳ năm 2011. Giá trị sản xuất công nghiệp đạt 483,615 triệu USD, tăng 62,79% so với cùng kỳ năm 2011. Dịch vụ thương mại đạt 115,200 triệu USD, giảm 53,04% so với cùng kỳ năm 2011. Trên tổng doanh thu thì xuất khẩu chiếm tỷ trọng 29,9%, tăng 72,68% so với cùng kỳ năm 2011.

*Bảng 2: Doanh thu theo các loại hình tại khu chế xuất và công nghiệp*

| Loại hình                    | Doanh thu năm 2012( triệu USD) | So với năm 2011(tăng +, giảm -) |
|------------------------------|--------------------------------|---------------------------------|
| Giá trị sản xuất công nghiệp | 1.365,256                      | + 3,91%                         |
| Dịch vụ thương mại           | 505,026                        | - 33,38%                        |
| <b>Tổng</b>                  | <b>1.870,282</b>               | <b>+ 9,73%</b>                  |

*(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ BC hoạt động các KCN, KCX Cần Thơ năm 2012)*

## **NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

### **- Kết quả thu hút lao động**

Tổng số lao động đang làm việc tại các khu CXCN Cần Thơ đến tháng 4/2013 là 30.920 lao động (10% lao động thời vụ), giảm 1.440 lao động so với cùng kỳ 2012. Trong đó, lao động nước ngoài là 66 người. Tổng số lao động của các doanh nghiệp FDI là 3.928 lao động.

**Bảng 3: Số lao động ở các khu công nghiệp TPCT**

| <b>Khu công nghiệp</b>     | <b>Lao động chính thức</b> | <b>Lao động thời vụ</b> | <b>Tổng lao động</b> |
|----------------------------|----------------------------|-------------------------|----------------------|
| Khu công nghiệp Trà Nóc 1  | 15.182                     | 1.579                   | 16.761               |
| Khu công nghiệp Trà Nóc 2  | 8.019                      | 663                     | 8.682                |
| Khu công nghiệp Hưng Phú 1 | 353                        | 100                     | 453                  |
| Khu công nghiệp Hưng Phú 2 | 522                        |                         |                      |
| Khu công nghiệp Thốt Nốt   | 3.825                      | 677                     | 4.502                |

*(Nguồn: Tác giả tổng hợp từ Báo cáo hoạt động KCN, KCX Cần Thơ năm 2012)*

CNPT là ngành đòi hỏi nguồn nhân lực có trình độ cao. Hiện nay, đa phần các doanh nghiệp cho rằng nguồn nhân lực có trình độ cao còn quan trọng hơn máy móc hiện đại. Do vậy, điểm làm nên điều khác biệt chính là đội ngũ nhân công có tay nghề cao vì họ chính là những người trực tiếp vận hành, cải tiến máy móc, phát minh ra những phương pháp mới nhằm nâng cao hiệu quả công việc. Có thể nói rằng, sự thành công của các doanh nghiệp trong ngành CNPT phụ thuộc rất lớn vào đội ngũ kỹ sư và chuyên gia.

### **- Lợi thế về vị trí các khu công nghiệp**

Đối với các khu công nghiệp Trà Nóc: do nằm sát bờ sông Hậu, đường sông chính giao lưu trong nước và quốc tế, ngược dòng phía Bắc đi Campuchia, xuôi dòng qua cảng Cần Thơ đi ra biển đông cửa biển Định An. Khuyến khích phát triển các ngành công nghiệp không gây ô nhiễm cho nguồn nước, không khí và đất đai như: chế biến lương thực, thực phẩm, các ngành công nghiệp cơ khí, điện, điện tử, sản xuất phụ tùng máy móc, phương tiện vận tải, công nghiệp vật liệu xây dựng, công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng...

Đối với khu công nghiệp Hưng Phú: nằm gần trung tâm TPCT và bên cạnh khu đô thị mới với các dịch vụ ngân hàng, bưu chính viễn thông, nhà hàng khách sạn, trường học bệnh viện đã được quy hoạch phát triển. Khuyến khích phát triển các ngành chế biến lương thực, thực phẩm, thủy hải sản, nước giải khát từ trái cây, rau quả xuất khẩu, công nghiệp dệt may, da, công nghiệp hóa chất, và các sản phẩm từ hóa chất, công nghiệp hàng tiêu dùng. Công nghiệp khai thác cảng, đóng mới và sửa chữa tàu biển, công nghiệp cơ khí chế tạo và lắp ráp nông cơ, phục vụ cho cơ khí hóa nông nghiệp, các ngành công nghiệp khác phù hợp với định hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa của trung tâm ĐBSCL.

### **2.2.2 Đánh giá thực trạng phát triển của ngành CNPT ở các khu CXCN Cần Thơ**

Nằm ở vị trí trung tâm của vùng ĐBSCL, Cần Thơ là đô thị loại I, một trong 4 tỉnh thuộc vùng kinh tế trọng điểm của vùng ĐBSCL (3 tỉnh khác là An Giang, Kiên Giang và Cà Mau) và là vùng kinh tế trọng điểm thứ 4 của Việt Nam. Không chỉ chú trọng phát triển lĩnh vực nông nghiệp, thủy sản Cần Thơ còn cho phép phát triển các dự án trong các lĩnh vực: hạ tầng đô thị, hạ tầng giao thông; nông nghiệp công nghệ cao; công nghiệp chế biến nông, thủy sản; du lịch và hạ tầng phục vụ du lịch; các ngành CNPT. Đặc biệt, trong thời gian qua thực hiện chủ trương của chính phủ về việc phát triển công nghiệp phụ trợ, Cần Thơ là ngọn cờ đầu ở khu vực ĐBSCL trong việc tập trung phát triển CNPT. Hầu hết các doanh nghiệp này tập trung phần lớn tại các khu chế xuất và công nghiệp. CNPT ở Cần Thơ bắt đầu hình thành và từng bước phát triển, phục vụ cho nhu cầu sản xuất, lắp ráp các sản phẩm tiêu thụ nội địa.

**Nhìn chung, CNPT Cần Thơ còn gặp phải một số vấn đề tồn đọng sau:**

## **NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

- Số lượng các doanh nghiệp hoạt động trong khu vực này còn rất hạn chế. Các doanh nghiệp này chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, thuộc sở hữu nhà nước, vẫn còn thói quen bao cấp nên rất thụ động trong việc tìm kiếm khách hàng và "ngại" đổi mới. Phần lớn các sản phẩm của CNPT vẫn do các doanh nghiệp nhà nước sản xuất và cung cấp, chất lượng thấp, khả năng cạnh tranh hạn chế nên chủ yếu chỉ tiêu thụ được ở thị trường trong nước. Chính vì vậy mà các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài phải nhập khẩu những linh kiện, chi tiết sản phẩm mà doanh nghiệp trong nước sản xuất được với giá rẻ hơn giá nhập khẩu.

- Hạ tầng cơ sở, nhà xưởng, kỹ thuật công nghệ còn thấp, cộng với trình độ tổ chức quản lý sản xuất yếu. Cái khó hiện nay là CNPT lại cần vốn đầu tư lớn, sản lượng phải nhiều để giảm giá thành và chất lượng phải đảm bảo. Ngoài ra, thị trường trong nước còn nhỏ bé nên các nhà đầu tư nước ngoài ít đầu tư vào CNPT.

- Các chính sách kêu gọi đầu tư của khu vực chưa đủ mạnh và tập trung để thu hút doanh nghiệp, cả quốc tế và nội địa, vào sản xuất phụ trợ.

- Chất lượng của các sản phẩm của các doanh nghiệp sản xuất trong ngành CNPT rất thấp và kém ổn định. Sản phẩm CNPT chủ yếu do doanh nghiệp nhà nước hoặc do các hộ kinh doanh cá thể sản xuất, chất lượng kém và giá thành cao nên chỉ tiêu thụ được trong nội bộ các doanh nghiệp nhà nước. Hiện nay, một số ngành đều phải nhập nguyên liệu từ nước ngoài. Do vậy, nhiều doanh nghiệp phải phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập khẩu, không thể chủ động được hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Các cụm công nghiệp được hình thành thiếu quy hoạch tổng thể, chủ yếu để giải quyết vấn đề mặt bằng sản xuất hơn là việc tạo nên chuỗi giá trị thông qua việc liên kết doanh nghiệp, kể cả sử dụng các dịch vụ tài chính và phi tài chính để khai thác lợi thế cạnh tranh. Việc liên kết doanh nghiệp có ý nghĩa về mặt nâng cao khả năng cạnh tranh trong nội bộ ngành, sử dụng lợi thế cạnh tranh của khu vực, khai thác chuỗi giá trị để tạo nên sản phẩm mang tính cạnh tranh cao, việc liên kết này có thể hình thành thông qua việc phát triển các cụm công nghiệp.

### **3. Giải pháp giúp ngành công nghiệp phụ trợ tại TPCT phát triển tốt hơn**

#### ***3.1 Định hướng phát triển ngành công nghiệp phụ trợ Cần Thơ***

Với mục tiêu đến năm 2015, tỉ trọng công nghiệp - xây dựng sẽ đạt là 46,9% trong cơ cấu kinh tế, TPCT phấn đấu trở thành trung tâm công nghiệp của vùng ĐBSCL. Mà quan trọng nhất là các doanh nghiệp trong các khu công nghiệp của TPCT vì phần lớn trong thời gian qua các doanh nghiệp này hoạt động có hiệu quả, doanh thu tăng cao qua các năm, đóng góp nguồn thu rất lớn cho ngân sách thành phố. TPCT đề ra mục tiêu phát triển ngành công nghiệp và thương mại với tốc độ nhanh, bền vững và tương xứng với vị thế thành phố trung tâm động lực của vùng ĐBSCL. Giá trị sản xuất công nghiệp phấn đấu đến năm 2015 đạt 45.000 tỉ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân 18%/năm. TPCT phấn đấu sẽ là một trong những địa phương đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và trở thành thành phố công nghiệp trước năm 2020.

#### ***3.2 Giải pháp phát triển ngành công nghiệp phụ trợ Cần Thơ***

*- Về phía nhà nước, chính quyền địa phương*

Cần tạo dựng khuôn khổ pháp lý hoàn chỉnh thuận lợi để phục vụ ngành cũng như doanh nghiệp tham gia vào CNPT. Cần có các văn bản quy định về phẩm cấp kỹ thuật, đăng ký ngành nghề, thay đổi về hải quan, về chính sách thuế,... Cần xây dựng Luật phát triển công nghiệp cơ khí, công nghiệp điện tử,... để đưa ra các biện pháp tổng hợp, có hệ thống và quy trình cụ thể như phát triển kỹ thuật, đào tạo nhân lực, hỗ trợ tài chính, bảo đảm vị trí, khai thác thị trường,...

Các cơ quan ban ngành cần có các chính sách ưu đãi về tài chính, đất đai hạ tầng, đầu tư, nguồn nhân lực, chính sách khuyến khích thành lập các doanh nghiệp sản xuất CNPT. Các cơ quan ban ngành cần liên kết các doanh nghiệp làm CNPT, giải quyết tốt các tranh chấp hợp đồng cung

## **NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

ứng, xây dựng, ban hành cơ sở dữ liệu đầy đủ về công nghiệp phụ trợ. Có những chính sách để phát triển CNPT với những ưu đãi về thuế, mặt bằng cho các doanh nghiệp để khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân, doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) đầu tư bởi đây là nòng cốt của quá trình phát triển CNPT. Lập chế độ thưởng đặc biệt cho những công ty có thành tích cao về xuất khẩu các mặt hàng thuộc các ngành CNPT.

Có chính sách khuyến khích đầu tư, khuyến khích chuyển giao công nghệ, bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, tạo điều kiện về vay vốn, thuê mặt bằng, nhà xưởng, ưu đãi về thuế đối với các công ty, tập đoàn nước ngoài, cũng như các doanh nghiệp nội địa hoạt động trong lĩnh vực CNPT.

### ***- Về phía doanh nghiệp***

Hoàn thiện hệ thống thông tin doanh nghiệp: rất nhiều DNNVV chỉ thụ động làm các đơn đặt hàng có sẵn chứ không nỗ lực tìm kiếm khách hàng mới cho sản phẩm của mình, cần phải thiết lập một hệ thống thông tin doanh nghiệp chính thức và xây dựng các mạng lưới thông tin nội bộ doanh nghiệp. Hơn nữa, cần tăng cường công tác thống kê, xây dựng cơ sở dữ liệu về các doanh nghiệp sản xuất hỗ trợ để làm cơ sở cho việc giới thiệu, tìm kiếm các mối liên kết ngang.

Theo nhiều doanh nghiệp, dù giá trị sản xuất công nghiệp hàng năm tăng cao, nhưng hiện nay TPCT vẫn chưa có đội ngũ lao động công nghiệp chuyên nghiệp. Vì thế, vấn đề nguồn nhân lực luôn là bài toán khá nan giải trong quá trình phát triển của các doanh nghiệp ngành công nghiệp. Ngoài ra, doanh nghiệp TPCT còn vướng phải một vấn đề không kém phần phức tạp. Đó là chương trình đào tạo ở bậc đại học, cao đẳng, trung cấp và các cơ sở dạy nghề không sát với nhu cầu, hoạt động sản xuất thực tế của doanh nghiệp. Để phát triển CNPT, cần phải xây dựng được một đội ngũ kỹ sư lành nghề, có khả năng sản xuất nguyên phụ liệu hoặc nghiên cứu công nghệ để đưa CNPT phát triển. Nên áp dụng những biện pháp khuyến khích đào tạo và học tập ngành CNPT như chính sách khen thưởng, chứng chỉ cho các cá nhân có quá trình học tập tốt, có tay nghề cao. Chứng chỉ này sẽ giúp công nhân, kỹ sư được nâng lương hoặc nâng cao vị trí trong công ty. Thời gian tới, chất lượng của đội ngũ quản lý cần được chú trọng đào tạo theo hướng chuyên sâu để đáp ứng yêu cầu của ngành sẽ quản lý. Trước hết, cần có bước điều tra thực tế về nhu cầu đội ngũ cán bộ sau đại học định hướng cụ thể trong công tác đào tạo đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố trong ngắn hạn và dài hạn.

Sử dụng nguồn vốn vay ưu đãi để xây dựng một quỹ tài chính đảm bảo cho việc phát triển CNPT của những ngành đã được chỉ định. Việc chỉ định các ngành cần phát triển là việc chỉ rõ các phạm vi ưu tiên để có nguồn ngân sách cụ thể, minh bạch. Minh bạch được khâu này cũng sẽ giúp các doanh nghiệp thu hút đầu tư. Cần thu hút đầu tư nước ngoài và trong nước vào lĩnh vực này, sự liên kết giữa các địa phương, khu vực.

### ***- Về năng lực công nghệ***

Cần quan tâm đến việc đổi mới công nghệ, và đồng thời đề nghị thanh lý các thiết bị công nghệ cũ: trước hết, có thể tiếp tục sử dụng các máy móc, thiết bị còn khả năng sản xuất; bên cạnh đó, cần đẩy nhanh đầu tư, ứng dụng công nghệ mới vào sản xuất nhằm đáp ứng những đòi hỏi của thị trường; đổi mới công nghệ phải đi đôi với đẩy mạnh nghiên cứu, áp dụng và củng cố hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9000, hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14000 và hệ thống trách nhiệm xã hội SA 8000,...

## **4. Kết luận**

Từ việc xem xét những vấn đề chung nhất về CNPT và đi sâu vào phân tích thực trạng của ngành CNPT Cần Thơ, có thể nhận thấy rằng việc xây dựng và phát triển các ngành CNPT là hết sức cấp thiết để nâng cao khả năng cạnh tranh của các doanh nghiệp nội địa. Một khi ngành CNPT phát triển sẽ giúp Cần Thơ nói riêng và Việt Nam nói chung có thể hội nhập nhanh chóng để tiếp nhận những lợi thế do hội nhập đem lại. Tuy nhiên, việc phát triển CNPT là một công việc hết sức

## **NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI**

khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực và vật lực. Việc xây dựng và phát triển CNPT không chỉ đơn thuần là nhiệm vụ của Chính phủ, các bộ, ban, ngành mà chính các doanh nghiệp trong lĩnh vực này cũng phải tập trung hoàn thiện mình ngày một tốt hơn./.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Ban Quản lý khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ (2012). Báo cáo hoạt động các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ năm 2012 , UBND TP Cần Thơ
2. Ban Quản lý khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ (2013). Báo cáo hoạt động các khu chế xuất và công nghiệp Cần Thơ tháng 04/2013 , UBND TP Cần Thơ
3. Đỗ Minh Thụy (2012), Chuyên đề quản lý kinh tế, “Công nghiệp hỗ trợ ngành giày dép - nghiên cứu đối với ngành giày dép Hải Phòng” , Viện Nghiên cứu quản lý Trung Ương.
4. Lam Thy (2013), “Hỗ trợ phát triển Công nghiệp phụ trợ, nâng cao năng lực cạnh tranh của TP.Cần Thơ và vùng ĐBSCL”, Chi nhánh phòng Thương Mại và Việt Nam tại TP Cần Thơ
5. Lê Thị Thủy (2010), “Phát triển ngành công nghiệp phụ trợ: Thực trạng, định hướng và giải pháp”.